Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2103.20.00

Mã HS	2103.20.00
Mô tả hàng hóa	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt; đồ gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp; bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt đã chế biến / - Ketchup cà chua và nước xốt cà chua khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:18:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/21032000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	52.5	52,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2656
Thuế NK ưu đãi (MFN)	35	35%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2656
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2656
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	4,3	4,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	24.5	24,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2642
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2603
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2603
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2603
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2603
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2603
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2603
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2641
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2641

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2641
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2641
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2641
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2641
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2643
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2643
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2643
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2643
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2643
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2643
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2645
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2609
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2605
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2605
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2605
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2605
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2605
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2605
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2605
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2605
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2605
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2605
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2605
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2605
VCFTA	2022	2022	16	VC!D2652
VCFTA	2023	2023	14	VC!E2652

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	12	VC!F2652
VCFTA	2025	2025	9	VC!G2652
VCFTA	2026	2026	7	VC!H2652
VCFTA	2027	2027	5	VC!I2652
VN-EAEU	2022	2022	9,5	EAV!D2649
VN-EAEU	2023	2023	6,4	EAV!E2649
VN-EAEU	2024	2024	3,2	EAV!F2649
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2649
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2649
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2649
AHKFTA	2022	2022	21	AKH!D2657
AHKFTA	2023	2023	14	AKH!E2657
AHKFTA	2024	2024	14	AKH!F2657
AHKFTA	2025	2025	7	AKH!G2657
AHKFTA	2026	2026	7	AKH!H2657
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2657
EVFTA	2022	2022	21,8	EV-NK!D2628
EVFTA	2023	2023	17,5	EV-NK!E2628
EVFTA	2024	2024	13,1	EV-NK!F2628
EVFTA	2025	2025	8,7	EV-NK!G2628
EVFTA	2026	2026	4,3	EV-NK!H2628
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2628
UKVFTA	2022	2022	21,8	UKV!D2630
UKVFTA	2023	2023	17,5	UKV!E2630
UKVFTA	2024	2024	13,1	UKV!F2630
UKVFTA	2025	2025	8,7	UKV!G2630

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	4,3	UKV!H2630
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2630
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	6	CPTPP!D2624
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2624
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2624
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2624
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2624
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2624
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2624
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2647
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2647
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2647
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2647
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2647
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2647
RCEP B	2022	2022	0	B!D2647
RCEP B	2023	2023	0	B!E2647
RCEP B	2024	2024	0	B!F2647
RCEP B	2025	2025	0	B!G2647
RCEP B	2026	2026	0	B!H2647
RCEP B	2027	2027	0	B!I2647
RCEP C	2022	2022	0	C!D2647
RCEP C	2023	2023	0	C!E2647
RCEP C	2024	2024	0	C!F2647
RCEP C	2025	2025	0	C!G2647
RCEP C	2026	2026	0	C!H2647

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2647
RCEP D	2022	2022	0	D!D2647
RCEP D	2023	2023	0	D!E2647
RCEP D	2024	2024	0	D!F2647
RCEP D	2025	2025	0	D!G2647
RCEP D	2026	2026	0	D!H2647
RCEP D	2027	2027	0	D!I2647
RCEP E	2022	2022	0	E!D2650
RCEP E	2023	2023	0	E!E2650
RCEP E	2024	2024	0	E!F2650
RCEP E	2025	2025	0	E!G2650
RCEP E	2026	2026	0	E!H2650
RCEP E	2027	2027	0	E!I2650
RCEP F	2022	2022	0	F!D2647
RCEP F	2023	2023	0	F!E2647
RCEP F	2024	2024	0	F!F2647
RCEP F	2025	2025	0	F!G2647
RCEP F	2026	2026	0	F!H2647
RCEP F	2027	2027	0	F!I2647
VIFTA	2024	2024	31.5	VI!F2470
VIFTA	2025	2025	28	VI!G2470
VIFTA	2026	2026	24.5	VI!H2470
VIFTA	2027	2027	21	VI!I2470

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2103.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 35% của mã 2103.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2656), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.